

Bản án số: 51/2019/HSST

Ngày: 29 -10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hà và bà Nghiêm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà:
Ông Phạm Anh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Doãn Thị H.T, Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15 tháng 10 1987 tại tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Doãn Mạnh H và bà Phạm Thị Tuyết L; Chồng là Trương Hồng Q (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến 02/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: Lê Mạnh C. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1984 tại tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ 04, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức B và bà Nguyễn Thị M; Vợ là Lưu Bích P. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến 02/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt

** Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Bà Lương Thị T, sinh năm 1942. Địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Anh Đào Văn N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện chất ma túy nên Doãn Thị H .T đã rủ Lê Mạnh C góp tiền để mua ma túy về sử dụng, Lê Mạnh C đã chuyển cho Trang số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào tài khoản cá nhân của T, sau đó Trang góp thêm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để mua ma túy tổng hợp về sử dụng. Đến khoảng 05 giờ 00 ngày 30/6/2019 T ra bến xe khách Yên Bái gửi số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để mua ma túy, đến khoảng 10 giờ 45 cùng ngày T đã nhờ C ra bến xe khách Yên Bái nhận ma túy và mang về phòng 201 Nhà nghỉ N. Tại đây T và C đã cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy, sau khi sử dụng xong thì T ở lại phòng 201 và C đi về. Đến khoảng 09 giờ 00 ngày 01/7/2019, C quay lại phòng 201 Nhà nghỉ N gặp T được một lúc thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy của Công an thành phố Yên Bái phát hiện, bắt quả tang Doãn Thị H.T và Lê Mạnh C đang có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Vật chứng thu giữ của Lê Mạnh C: Thu tại túi quần phía sau bên trái C đang mặc 01 túi nilon có chứa 04 viên nén và 1/2 viên nén màu đỏ nghi là ma túy tổng hợp; Thu tại túi quần phía trước bên trái số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng); Thu trong ví giả da màu đen tại túi quần phía sau bên phải C đang mặc số tiền 300.000 đồng; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Mạnh C; 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen vàng, lắp sim số: 0989.014.415 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ đen, lắp sim số: 0974.291.803.

- Thu giữ của Doãn Thị H. T: Số tiền 1.070.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Doãn Thị H.T; Thu giữ tại giường 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật màu đen có chữ WAHL, bên trong có: 01 túi nilon màu trắng có chứa 08 (tám) viên nén màu đỏ nghi là ma túy tổng hợp; 04 túi nilon màu trắng trên miệng túi có kẹp bấm bên trong nghi chứa chất ma túy; 01 cân điện tử, 01 (một) bật lửa khò, 03 (ba) vỏ túi nilon màu trắng; 01 điện thoại di động loại IPHONE lắp sim số: 0327.900.760 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, lắp 2 sim số: 0859.041.049 và 0983.226.687; 01 Cồng thủy tinh nghi có bám dính chất ma túy.

Kết luận giám định số 169/GĐMT ngày 09/7/2019 xác định tổng khối lượng ma túy mà các bị cáo tàng trữ là 3,59 gam, loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số: 50/CT-VKSTP ngày 27/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Doãn Thị H.T và Lê Mạnh C

về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Doãn Thị H.T và Lê Mạnh C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Doãn Thị H. T từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù; Xử phạt bị cáo Lê Mạnh C từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù. Về vật chứng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Doãn Thị H. T và Lê Mạnh C thành khẩn khai báo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Doãn Thị H. T và Lê Mạnh C tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01 tháng 7 năm 2019 các bị cáo Doãn Thị H. T và Lê Mạnh C đã thực hiện hành vi tàng trữ 3,59 gam ma túy, loại methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Doãn Thị H. T và Lê Mạnh C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Ma túy là chất gây nghiện, làm huỷ hoại sức khỏe con người, làm xói mòn đạo đức, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hành vi của các bị cáo đã tiếp tay cho những kẻ mua bán trái phép chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Do đó, cần đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân: Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi, hoạt động của bản thân, các bị cáo biết hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng và rèn luyện bản thân của các bị cáo là rất kém. Do đó, cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có thể giáo dục, cải tạo được các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm gián đơn, các bị cáo là người nghiện chất ma túy, trong đó Doãn Thị H. T có vai trò chính, khởi xướng, rủ rê C tham gia, trực tiếp mang tiền đi gửi mua ma túy và số tiền góp nhiều hơn. Do đó, cần có mức hình phạt cao hơn đối với T.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo – Đây là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng,

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về nguồn gốc số ma túy, Doãn Thị H. T khai mua của người đàn ông khoảng 40 tuổi, tên là A ở thành phố Hà Nội. Do T không biết đầy đủ họ tên và địa chỉ của người này nên không đủ cơ sở để điều tra xử lý trong vụ án này.

[9] Về vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo, sau khi sử dụng giám định, số còn lại được niêm phong trong 05 phong bì sau khi đã trích mẫu giám định; 09 vỏ phong bì đã mở niêm phong, túi nilon, giấy gói; 01 hộp giấy; 01 cân điện tử; 01 bật lửa khò; 03 vỏ túi nilon; 02 mảnh giấy bạc; 01 coóng thủy tinh, là các vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Doãn Thị H. T, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Mạnh C; 01 điện thoại di động có chữ IPHONE màu vàng lắp sim số: 0989.014.415 và 01 điện thoại di động loại IPHONE lắp sim số: 0327.900.760 của T và số tiền 2.170.000 đồng thu giữ của các bị cáo; xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ đen, lắp sim số: 0974.291.803 của Lê Mạnh C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, lắp 2 sim số: 0859.041.049 và 0983.226.687 của Doãn Thị H. T, các bị cáo sử dụng liên hệ, giao dịch liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Doãn Thị H. T và Lê Mạnh C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Doãn Thị H. T 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ 02 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 5 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Mạnh C 01 (một) năm tù. Được khấu trừ 02 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 05 phong bì niêm phong vật chứng sau khi đã trích mẫu giám định; 09 vỏ phong bì đã mở niêm phong, túi nilon, giấy gói; 01 hộp giấy; 01 cân điện tử; 01 bật lửa khò; 03 vỏ túi nilon; 02 mảnh giấy bạc; 01 coóng thủy tinh.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ đen, lắp sim số: 0974.291.803 của Lê Mạnh C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, lắp 2 sim số: 0859.041.049 và 0983.226.687 của Doãn Thị H. T.

- Trả lại cho Doãn Thị H. T: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Doãn Thị H. T, 01 điện thoại di động loại IPHONE lắp sim số: 0327.900.760 và số tiền 1.070.000 đồng.

- Trả lại cho Lê Mạnh C: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Mạnh C; 01 điện thoại di động có chữ IPHONE màu vàng lắp sim số: 0989.014.415 và số tiền 1.100.000 đồng.

(Các vật chứng có đặc điểm tại biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái ngày 17/10/2019).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Doãn Thị H. T và Lê Mạnh C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- CATP Yên Bái (2);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ; THA; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoàng Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- CATP Yên Bái;
- HSNV-CATP Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THA hình sự;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ; THA; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hải

